TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Lập;

Bà Nguyễn Thị Phương Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp.

Trong các ngày 13/8/2026, ngày 07/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 392/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 420/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Trần Thị Thu H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Hữu T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ E, khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị H có đơn xin vắng mặt, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo lời trình bày của nguyên đơn Trần Thị Thu H:* Vào năm 2014, sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị H và anh T được hai bên gia đình chấp thuận và tổ chức lễ cưới cho chị H và anh T về chung sống với nhau tại Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp) đến nay mà không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung thì chị H và anh T có 01 con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 19/6/2015 (hiện nay đang sống chung với anh T). Chị H và anh T chung sống hạnh phúc đến năm

2025 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H và anh T không còn hòa hợp trong cuộc sống, khác quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, sau nhiều lần như vậy chị H cảm thấy rất mệt mỏi nên đã ly thân với anh T từ tháng 4/2025 đến nay, trong thời gian ly thân thì chị H và anh T cũng không hàn gắn tình cảm lại được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có hàn gắn sống chung lại cũng không hạnh phúc nên chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Chị H đồng ý tự nguyện giao con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 19/6/2015 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Nguyễn Hữu T:* Đã được Tòa án tống đạt và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án đã được nêu ở trên thì xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Trần Thị Thu H có đơn xin vắng mặt, bị đơn Nguyễn Hữu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị H trình bày thì chị H và anh T sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 đến tháng 4/2025 tại Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (nay là khu phố T, phường T, tỉnh Đồng Tháp) nhưng không đăng ký kết hôn, việc chị H và anh T không đăng ký kết hôn được chứng minh bằng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số: 110/2025/UBND-XNTTHN ngày 14/11/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, tỉnh Đồng Tháp. Anh T không có ý kiến phản đối đối với trình bày của chị H nên chứng tỏ lời trình bày của chị H là có căn cứ. Do đó, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T là không có giá trị pháp lý theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Đồng thời khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Chị H và anh T có đủ điều kiện kết hôn nhưng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là vợ chồng theo quy định tại các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị H trình bày chị H và anh T có 01 con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 19/6/2015, hiện cháu P đang sống chung với anh T. Nay ly hôn chị H đồng ý tự nguyện giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng anh T không đến Tòa án để làm việc, cũng không dẫn cháu P đến đề Tòa án ghi ý kiến về nguyện vọng được sống chung với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn và anh T không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị H nên chấp nhận yêu cầu của chị H, giao con chung tên Trần Minh P, sinh ngày 19/6/2015 cho anh T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; anh T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không tự nguyện cấp dưỡng, anh T không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu, anh T không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: "*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*", vì vậy chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005945 ngày 21/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị Thu H và anh anh Nguyễn Hữu T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con tên Trần Minh P, sinh ngày 19/6/2015 cho anh Nguyễn Hữu T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị Thu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Hữu T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Trần Thị Thu H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Trần Thị Thu H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Hữu T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Trần Thị Thu H.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu H không tự nguyện cấp dưỡng, anh Nguyễn Hữu T không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu, anh Nguyễn Hữu T không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trần Thị Thu H có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005945 ngày 21/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Hữu T không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 của Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Cư